

Kính gửi : - Cục quản lý công sản - Bộ Tài Chính;
- Thời báo Tài chính Việt Nam (Theo Quyết định số 868/QĐ-BTC ngày 29/04/2021 của Bộ Tài chính thực hiện từ ngày 15/07/2021).

1. Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản:

- Tên tổ chức đấu giá tài sản: Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Dương Châu – Land.
- Địa chỉ: Số 05 Trần Phú, Phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

2. Tên, địa chỉ người có tài sản:

- Tên người có tài sản: Trung tâm Phát triển quỹ đất Tỉnh Kon Tum.
- Địa chỉ: Số 06 đường Ngô Thị Nhậm, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Tên tài sản bán đấu giá, số lượng, chất lượng tài sản; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá.

a. Tên tài sản bán đấu giá, số lượng, chất lượng tài sản:

- Tên tài sản bán đấu giá: Quyền sử dụng đất Dự án Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng Trung tâm thể dục thể thao (đợt 2 - lần 4 - 93 thửa) tại phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Số lượng: 93 thửa đất ở đô thị/36.525,4 m² (Theo Biên bản làm việc ngày 01/11/2021 giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất và Ban quản lý các dự án 98 về việc bàn giao mặt bằng ngoài thực địa phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất tại Trung tâm thể dục thể thao để lập thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất (đợt 2) và Danh sách các thửa đất xác định giá khởi điểm kèm theo Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Kon Tum)

- Chất lượng tài sản:

+ Đất đã được giải phóng mặt bằng.

+ Đã được đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo kết nối hạ tầng chung của khu vực.

- Tài sản gắn liền với đất: Không.

- Điều kiện xây dựng nhà ở, công trình với chỉ tiêu sử dụng đất (mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao xây dựng tối đa, tối thiểu), chỉ giới xây dựng công trình và các quy định quy hoạch kiến trúc khác đảm bảo theo Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Trung tâm Thể dục thể thao và các công trình phụ trợ.

b. Nơi có tài sản đấu giá: Tổ 1, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

c. Giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:

- Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Trung tâm Thể dục thể thao và các công trình phụ trợ.

- Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Về việc thu hồi và giao đất cho Ban Quản lý các dự án 98 quản lý để xây dựng công trình khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại Trung tâm thể dục thể thao.

- Thông báo số 3470/TB-VP ngày 26/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum thông báo Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Ngọc Tuấn tại buổi làm việc với các đơn vị, địa phương về công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng một số công trình trên địa bàn thành phố Kon Tum.

d. Mục đích, hình thức và thời hạn sử dụng đất:

+ Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị.

+ Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

e. Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá.

4. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá.

- Thời gian: Từ ngày có thông báo đến ngày 20/07/2022.

- Địa điểm: Tại thực địa các thửa đất đấu giá thuộc Phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

5. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá:

a. Thời gian bán hồ sơ và chốt hồ sơ: Từ ngày có thông báo đến 14 giờ ngày 22/07/2022.

b. Địa điểm bán hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá: Tại Văn phòng Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Dương Châu – Land; Số 05 Trần Phú, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

6. Giá khởi điểm, phí hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước và bước giá của tài sản đấu giá.

a. Tổng giá khởi điểm (đợt 2 - lần 4 - 93 thửa) đấu giá là: 618.332.961.400 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm mười tám tỷ, ba trăm ba mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm đồng*). Giá khởi điểm chi tiết từng thửa đất theo Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Kon Tum “Quyết định phê duyệt giá khởi điểm đấu giá Quyền sử dụng đất thuộc dự án Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Kon Tum (đợt 2 – 93 thửa).

b. Phí hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước và bước giá của tài sản đấu giá:

- Phí hồ sơ tham gia đấu giá: 500.000 đồng/1 bộ hồ sơ.

- Tiền đặt trước và thời gian nộp tiền đặt trước:

+ Tiền đặt trước: 20% giá khởi điểm của thửa đất (*được làm tròn tăng*).

+ Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 07 giờ ngày 21/07/2022 đến 14 giờ ngày 22/07/2022. Nộp chuyển khoản: (*Không thu bằng tiền mặt*).

* **Tên tài khoản:** Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Dương Châu-Land

✓ **Số TK:** 040087345779, Tại: Ngân hàng Sacombank CN Kon Tum

✓ **Số TK:** 038433690001, Tại: Ngân hàng Bưu điện Liên Việt CN Kon Tum

✓ **Số TK:** 0761008797979, Tại: Ngân hàng Vietcombank CN Kon Tum

✓ **Số TK:** 226704070497979, Tại: Ngân hàng HD Bank CN Kon Tum.

Ghi chú: Khách hàng cung cấp chứng từ nộp tiền đặt trước cho Công ty chậm nhất đến 14 giờ ngày 22/07/2022.

- Bước giá: 3% giá khởi điểm của thửa đất (được làm tròn tăng).

* Bảng tổng hợp chi tiết Giá khởi điểm, Mật độ xây dựng, Chiều cao xây dựng tại các thửa đất đấu giá quyền sử dụng đất Dự án Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng Trung tâm thể dục thể thao tại phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum (đợt 2 - lần 4 - 93 thửa) như sau:

TT	Lô đất	Mảnh trích đo địa chính số	Số thửa	Lô số	Diện tích (m ²)	Giá đất (đồng/m ²)	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất (đồng)	Phí hồ sơ (đồng)	Tiền đặt trước 20% (làm tròn tăng) (đồng)	Bước giá 3% (làm tròn tăng) (đồng)	Mật độ xây dựng (%)	Khoảng lùi xây dựng (m)	Chiều cao (tầng)	Ghi chú
1	DBT1	5	57	1	423,3	17.936.000	7.592.308.800	500.000	1.519.000.000	228.000.000	55	6,0	2-3	
2		5	53	2	377,4	17.936.000	6.769.046.400	500.000	1.354.000.000	204.000.000	55	6,0	2-3	
3		5	52	3	378,9	17.936.000	6.795.950.400	500.000	1.360.000.000	204.000.000	55	6,0	2-3	
4		5	47	4	380,4	17.936.000	6.822.854.400	500.000	1.365.000.000	205.000.000	55	6,0	2-3	
5		5	43	5	381,8	17.936.000	6.847.964.800	500.000	1.370.000.000	206.000.000	55	6,0	2-3	
6		5	42	6	383,3	17.936.000	6.874.868.800	500.000	1.375.000.000	207.000.000	55	6,0	2-3	
7		5	38	7	389,9	17.936.000	6.993.246.400	500.000	1.399.000.000	210.000.000	55	6,0	2-3	
8		5	28	8	346,7	18.511.000	6.417.763.700	500.000	1.284.000.000	193.000.000	55	6,0	2-3	Thửa góc
9		5	29	9	307,7	17.585.000	5.410.904.500	500.000	1.083.000.000	163.000.000	55	6,0	2-3	
10		5	30	10	310,4	17.585.000	5.458.384.000	500.000	1.092.000.000	164.000.000	55	6,0	2-3	
11		5	31	11	313,1	17.585.000	5.505.863.500	500.000	1.102.000.000	166.000.000	55	6,0	2-3	
12		5	32	12	374,1	18.511.000	6.924.965.100	500.000	1.385.000.000	208.000.000	55	6,0	2-3	Thửa góc
13		5	39	13	390,1	17.574.000	6.855.617.400	500.000	1.372.000.000	206.000.000	55	6,0	2-3	
14		5	44	14	383,4	17.574.000	6.737.871.600	500.000	1.348.000.000	203.000.000	55	6,0	2-3	
15		5	45	15	382,0	17.574.000	6.713.268.000	500.000	1.343.000.000	202.000.000	55	6,0	2-3	
16		5	48	16	380,6	17.574.000	6.688.664.400	500.000	1.338.000.000	201.000.000	55	6,0	2-3	
17		5	49	17	379,1	17.574.000	6.662.303.400	500.000	1.333.000.000	200.000.000	55	6,0	2-3	
18		5	54	18	377,7	17.574.000	6.637.699.800	500.000	1.328.000.000	200.000.000	55	6,0	2-3	
19		5	58	19	509,4	17.574.000	8.952.195.600	500.000	1.791.000.000	269.000.000	55	6,0	2-3	
Tổng DBT1					7.169,3		127.661.741.000	9.500.000	25.541.000.000	3.839.000.000				
20	DBT2	5	59	1	443,2	17.574.000	7.788.796.800	500.000	1.558.000.000	234.000.000	55	6,0	2-3	
21		5	56	2	376,9	17.574.000	6.623.640.600	500.000	1.325.000.000	199.000.000	55	6,0	2-3	
22		5	55	3	378,3	17.574.000	6.648.244.200	500.000	1.330.000.000	200.000.000	55	6,0	2-3	
23		5	51	4	379,8	17.574.000	6.674.605.200	500.000	1.335.000.000	201.000.000	55	6,0	2-3	
24		5	50	5	381,2	17.574.000	6.699.208.800	500.000	1.340.000.000	201.000.000	55	6,0	2-3	
25		5	46	6	382,6	17.574.000	6.723.812.400	500.000	1.345.000.000	202.000.000	55	6,0	2-3	
26		5	41	7	384,0	17.574.000	6.748.416.000	500.000	1.350.000.000	203.000.000	55	6,0	2-3	
27		5	40	8	390,7	17.574.000	6.866.161.800	500.000	1.374.000.000	206.000.000	55	6,0	2-3	
28		5	33	9	315,3	18.511.000	5.836.518.300	500.000	1.168.000.000	176.000.000	55	6,0	2-3	Thửa góc
29		5	34	10	288,5	17.585.000	5.073.272.500	500.000	1.015.000.000	153.000.000	55	6,0	2-3	

TT	Lô đất	Mảnh trích đo địa chính số	Số thửa	Lô số	Diện tích (m ²)	Giá đất (đồng/m ²)	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất (đồng)	Phí hồ sơ (đồng)	Tiền đặt trước 20% (làm tròn tăng) (đồng)	Bước giá 3% (làm tròn tăng) (đồng)	Mật độ xây dựng (%)	Khoảng lùi xây dựng (m)	Chiều cao (tầng)	Ghi chú
30	DBT2	5	35	11	294,0	17.585.000	5.169.990.000	500.000	1.034.000.000	156.000.000	55	6,0	2-3	
31		5	36	12	299,6	17.585.000	5.268.466.000	500.000	1.054.000.000	159.000.000	55	6,0	2-3	
32		5	37	13	369,0	18.511.000	6.830.559.000	500.000	1.367.000.000	205.000.000	55	6,0	2-3	Thửa góc
Tổng DBT2					4.683,1		82.951.691.600	6.500.000	16.595.000.000	2.495.000.000				
33	DBT3	5	17	1	398,7	16.766.000	6.684.604.200	500.000	1.337.000.000	201.000.000	55	6,0	2-3	
34		5	12	2	397,4	16.766.000	6.662.808.400	500.000	1.333.000.000	200.000.000	55	6,0	2-3	
35		5	8	3	398,9	16.766.000	6.687.957.400	500.000	1.338.000.000	201.000.000	55	6,0	2-3	
36		5	7	4	400,3	16.766.000	6.711.429.800	500.000	1.343.000.000	202.000.000	55	6,0	2-3	
37		5	3	5	401,8	16.766.000	6.736.578.800	500.000	1.348.000.000	203.000.000	55	6,0	2-3	
38		5	2	6	403,2	16.766.000	6.760.051.200	500.000	1.353.000.000	203.000.000	55	6,0	2-3	
39		4	31	7	404,7	16.766.000	6.785.200.200	500.000	1.358.000.000	204.000.000	55	6,0	2-3	
40		4	27	8	406,1	16.766.000	6.808.672.600	500.000	1.362.000.000	205.000.000	55	6,0	2-3	
41		4	26	9	407,6	16.766.000	6.833.821.600	500.000	1.367.000.000	206.000.000	55	6,0	2-3	
42		4	22	10	409,0	16.766.000	6.857.294.000	500.000	1.372.000.000	206.000.000	55	6,0	2-3	
43		4	21	11	413,6	16.766.000	6.934.417.600	500.000	1.387.000.000	209.000.000	55	6,0	2-3	
44		4	19	17	413,6	16.427.000	6.794.207.200	500.000	1.359.000.000	204.000.000	55	6,0	2-3	
45		4	23	18	409,1	16.427.000	6.720.285.700	500.000	1.345.000.000	202.000.000	55	6,0	2-3	
46		4	28	19	407,6	16.427.000	6.695.645.200	500.000	1.340.000.000	201.000.000	55	6,0	2-3	
47		4	29	20	406,2	16.427.000	6.672.647.400	500.000	1.335.000.000	201.000.000	55	6,0	2-3	
48		4	32	21	404,7	16.427.000	6.648.006.900	500.000	1.330.000.000	200.000.000	55	6,0	2-3	
49		5	1	22	403,3	16.427.000	6.625.009.100	500.000	1.326.000.000	199.000.000	55	6,0	2-3	
50		5	4	23	401,8	16.427.000	6.600.368.600	500.000	1.321.000.000	199.000.000	55	6,0	2-3	
51		5	9	24	400,4	16.427.000	6.577.370.800	500.000	1.316.000.000	198.000.000	55	6,0	2-3	
52		5	10	25	398,9	16.427.000	6.552.730.300	500.000	1.311.000.000	197.000.000	55	6,0	2-3	
53		5	13	26	397,5	16.427.000	6.529.732.500	500.000	1.306.000.000	196.000.000	55	6,0	2-3	
54		5	14	27	398,8	16.427.000	6.551.087.600	500.000	1.311.000.000	197.000.000	55	6,0	2-3	
55		5	18	28	388,5	18.511.000	7.191.523.500	500.000	1.439.000.000	216.000.000	55	6,0	2-3	Thửa góc
56		5	27	29	331,4	17.585.000	5.827.669.000	500.000	1.166.000.000	175.000.000	55	6,0	2-3	
57		5	26	30	334,9	17.585.000	5.889.216.500	500.000	1.178.000.000	177.000.000	55	6,0	2-3	
58		5	25	31	338,3	17.585.000	5.949.005.500	500.000	1.190.000.000	179.000.000	55	6,0	2-3	
59		5	24	32	421,6	18.511.000	7.804.237.600	500.000	1.561.000.000	235.000.000	55	6,0	2-3	Thửa góc
Tổng DBT3					10.697,9		180.091.579.200	13.500.000	36.032.000.000	5.416.000.000				
60	DBT4	5	16	1	402,1	16.427.000	6.605.296.700	500.000	1.322.000.000	199.000.000	55	6,0	2-3	
61		5	15	2	398,1	16.427.000	6.539.588.700	500.000	1.308.000.000	197.000.000	55	6,0	2-3	
62		5	11	3	399,6	16.427.000	6.564.229.200	500.000	1.313.000.000	197.000.000	55	6,0	2-3	
63		5	6	4	401,0	16.427.000	6.587.227.000	500.000	1.318.000.000	198.000.000	55	6,0	2-3	

TT	Lô đất	Mảnh trích do địa chính số	Số thửa	Lô số	Diện tích (m ²)	Giá đất (đồng/m ²)	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất (đồng)	Phí hồ sơ (đồng)	Tiền đặt trước 20% (làm tròn tăng) (đồng)	Bước giá 3% (làm tròn tăng) (đồng)	Mật độ xây dựng (%)	Khoảng lùi xây dựng (m)	Chiều cao (tầng)	Ghi chú
64	DBT4	5	5	5	402,5	16.427.000	6.611.867.500	500.000	1.323.000.000	199.000.000	55	6,0	2-3	
65		4	34	6	403,9	16.427.000	6.634.865.300	500.000	1.327.000.000	200.000.000	55	6,0	2-3	
66		4	33	7	405,4	16.427.000	6.659.505.800	500.000	1.332.000.000	200.000.000	55	6,0	2-3	
67		4	30	8	406,8	16.427.000	6.682.503.600	500.000	1.337.000.000	201.000.000	55	6,0	2-3	
68		4	25	9	408,3	16.427.000	6.707.144.100	500.000	1.342.000.000	202.000.000	55	6,0	2-3	
69		4	24	10	409,7	16.427.000	6.730.141.900	500.000	1.347.000.000	202.000.000	55	6,0	2-3	
70		4	20	11	417,1	16.427.000	6.851.701.700	500.000	1.371.000.000	206.000.000	55	6,0	2-3	
71		5	23	28	376,0	18.511.000	6.960.136.000	500.000	1.393.000.000	209.000.000	55	6,0	2-3	Thửa góc
72		5	22	29	328,6	17.585.000	5.778.431.000	500.000	1.156.000.000	174.000.000	55	6,0	2-3	
73		5	21	30	334,2	17.585.000	5.876.907.000	500.000	1.176.000.000	177.000.000	55	6,0	2-3	
74		5	20	31	339,8	17.585.000	5.975.383.000	500.000	1.196.000.000	180.000.000	55	6,0	2-3	
75		5	19	32	436,7	18.511.000	8.083.753.700	500.000	1.617.000.000	243.000.000	55	6,0	2-3	Thửa góc
Tổng DBT4					6.269,8		105.848.682.200	8.000.000	21.178.000.000	3.184.000.000				
76	DBT6	4	17	1	428,3	16.020.000	6.861.366.000	500.000	1.373.000.000	206.000.000	55	6,0	2-3	
77		4	13	2	423,6	16.020.000	6.786.072.000	500.000	1.358.000.000	204.000.000	55	6,0	2-3	
78		4	12	3	425,0	16.020.000	6.808.500.000	500.000	1.362.000.000	205.000.000	55	6,0	2-3	
79		4	7	4	426,5	16.020.000	6.832.530.000	500.000	1.367.000.000	205.000.000	55	6,0	2-3	
80		4	3	5	427,9	16.020.000	6.854.958.000	500.000	1.371.000.000	206.000.000	55	6,0	2-3	
81		4	2	6	435,8	16.020.000	6.981.516.000	500.000	1.397.000.000	210.000.000	55	6,0	2-3	
82		4	4	12	435,8	15.697.000	6.840.752.600	500.000	1.369.000.000	206.000.000	55	6,0	2-3	
83		4	5	13	427,8	15.697.000	6.715.176.600	500.000	1.344.000.000	202.000.000	55	6,0	2-3	
84		4	8	14	426,4	15.697.000	6.693.200.800	500.000	1.339.000.000	201.000.000	55	6,0	2-3	
85		4	9	15	425,0	15.697.000	6.671.225.000	500.000	1.335.000.000	201.000.000	55	6,0	2-3	
86		4	14	16	423,5	15.697.000	6.647.679.500	500.000	1.330.000.000	200.000.000	55	6,0	2-3	
87	4	18	17	428,3	15.697.000	6.723.025.100	500.000	1.345.000.000	202.000.000	55	6,0	2-3		
Tổng DBT6					5.133,9		81.416.001.600	6.000.000	16.290.000.000	2.448.000.000				
88	DBT7	4	16	1	429,0	15.697.000	6.734.013.000	500.000	1.347.000.000	203.000.000	55	6,0	2-3	
89		4	15	2	424,3	15.697.000	6.660.237.100	500.000	1.333.000.000	200.000.000	55	6,0	2-3	
90		4	11	3	425,7	15.697.000	6.682.212.900	500.000	1.337.000.000	201.000.000	55	6,0	2-3	
91		4	10	4	427,2	15.697.000	6.705.758.400	500.000	1.342.000.000	202.000.000	55	6,0	2-3	
92		4	6	5	428,6	15.697.000	6.727.734.200	500.000	1.346.000.000	202.000.000	55	6,0	2-3	
93		4	1	6	436,6	15.697.000	6.853.310.200	500.000	1.371.000.000	206.000.000	55	6,0	2-3	
Tổng DBT7					2.571,4		40.363.265.800	3.000.000	8.076.000.000	1.214.000.000				
Tổng 93 thửa					36.525,4		618.332.961.400	46.500.000	123.712.000.000	18.596.000.000				

* Giá trúng đấu giá QSD đất chưa bao gồm lệ phí trước bạ và phí địa chính.
Khách hàng trúng đấu giá phải nộp các khoản phí, lệ phí theo quy định.

7. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức tham gia đấu giá (nộp hồ sơ):

a. Thời gian nộp hồ sơ và chốt hồ sơ: Từ ngày có thông báo đến 14 giờ ngày 22/07/2022.

b. Địa điểm nộp hồ sơ: Tại Văn phòng Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Dương Châu – Land; Số 05 Trần Phú, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

c. Điều kiện tham gia đấu giá: Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và không thuộc vào các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật đấu giá tài sản năm 2016.

d. Cách thức tham gia đấu giá: Mua hồ sơ và nộp hồ sơ theo đúng thời gian quy định tại Thông báo bán đấu giá và Bảng niêm yết thông báo bán đấu giá tài sản do Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Dương Châu – Land phát hành, cụ thể gồm:

+ Đơn đề nghị được tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo mẫu của tổ chức có chức năng đấu giá quyền sử dụng đất phát hành (*ghi đầy đủ thông tin theo yêu cầu*).

+ Bản sao Sổ hộ khẩu, CCCD hoặc CMND được Photo có công chứng hoặc chứng thực còn thời hạn theo quy định tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá tài sản.

+ Chứng từ nộp tiền đặt trước thửa đất đăng ký tham gia đấu giá.

+ Giấy ủy quyền theo quy định (*Trường hợp ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham gia đấu giá*).

- Cam kết thực hiện đầy đủ những quy định của Quy chế đấu giá được cung cấp kèm theo hồ sơ; Cam kết thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật sau khi mua được tài sản, cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch và nộp tiền trúng đấu giá sau khi có kết quả đấu giá do cấp thẩm quyền phê duyệt.

8. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá.

- Thời gian tổ chức cuộc đấu giá: Bắt đầu 07 giờ 30 phút ngày 25/07/2022 (*thời gian tổ chức công bố giá chi tiết từng thửa đất sẽ được công bố cụ thể sau*).

- Địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: Phòng đấu giá của Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Dương Châu – Land; Số 05 Trần Phú, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

9. Hình thức và phương thức đấu giá.

a. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá.

Chỉ những khách hàng tham gia có tên trong Danh sách đủ điều kiện tham gia đấu giá mới được vào phòng đấu giá.

* Trình tự tiến hành cuộc đấu giá, cụ thể:

Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá theo hình thức đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá theo trình tự sau đây: Giới thiệu bản thân, người giúp việc; công bố danh sách người tham gia đấu giá và điểm danh để xác định người tham gia đấu giá; Đọc Quy chế cuộc đấu giá; Giới thiệu từng tài sản đấu giá; Nhắc lại mức giá khởi điểm trong trường hợp công khai giá khởi điểm; Thông báo bước giá và khoảng thời gian tối đa giữa các lần trả giá, đặt giá; Phát số cho người tham gia đấu giá; Hướng dẫn cách trả giá, chấp nhận giá và trả lời câu hỏi của người tham gia đấu giá; Người tham gia đấu giá được phát một tờ phiếu trả giá, ghi giá muốn trả vào phiếu của mình. Hết thời gian ghi phiếu, đấu giá viên yêu cầu người tham gia đấu giá nộp phiếu trả giá hoặc bỏ phiếu vào hòm phiếu; kiểm đếm số phiếu phát ra và số phiếu thu về; công bố từng phiếu trả giá, phiếu trả giá

cao nhất với sự giám sát của ít nhất một người tham gia đấu giá; Đấu giá viên công bố giá cao nhất đã trả của vòng đấu giá đó và đề nghị người tham gia đấu giá tiếp tục trả giá cho vòng tiếp theo. Giá khởi điểm của vòng đấu giá tiếp theo là giá cao nhất đã trả ở vòng đấu giá trước liền kề; Cuộc đấu giá kết thúc khi không còn ai tham gia trả giá. Đấu giá viên công bố người trả giá cao nhất và công bố người đó là người trúng đấu giá.

Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả mức giá cao nhất, đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất để chọn ra người trúng đấu giá. Nếu có người trả giá cao nhất không đồng ý đấu giá tiếp hoặc không có người trả giá cao hơn thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá.

Diễn biến của cuộc đấu giá phải được ghi vào biên bản đấu giá. Biên bản đấu giá phải được lập tại cuộc đấu giá và có chữ ký của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá, người ghi biên bản, người trúng đấu giá, người có tài sản đấu giá, đại diện của những người tham gia đấu giá. Biên bản đấu giá được đóng dấu của tổ chức đấu giá tài sản.

b. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

Cá nhân, tổ chức trả giá cao nhất so với giá khởi điểm là Người trúng đấu giá. Tài sản đấu giá chỉ được bán cho người tham gia đấu giá trả giá tối thiểu bằng giá khởi điểm + (cộng) với ít nhất 01 bước giá.

10. Về phòng chống dịch Covid – 19:

- Đối với đại diện các đơn vị tham gia giám sát, khách hàng khi đến tham khảo hồ sơ, đi xem tài sản, mua hồ sơ, nộp hồ sơ và tham gia buổi đấu giá đều thực hiện nghiêm công tác phòng chống dịch Covid – 19, được kiểm tra thân nhiệt (máy đo thân nhiệt), sát khuẩn (dung dịch sát khuẩn), đeo khẩu trang, quét mã QR để khai báo y tế điện tử, giữ khoảng cách theo quy định 5K của Bộ Y tế “Khẩu trang – Khử khuẩn – Khoảng cách – Không tập trung – Khai báo y tế” để giữ an toàn cho mình và những người xung quanh.

Khách hàng quan tâm có nhu cầu tham khảo hồ sơ đấu giá đề nghị liên hệ tại:
Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Dương Châu – Land; Số 05 Trần Phú, Phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Điện thoại: 0978099914./.

**Doanh nghiệp đấu giá tư nhân
Dương Châu - Land**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Kon Tum;
- Lưu: VT, HS/ĐGTS.



**PHÓ GIÁM ĐỐC
Bùi Huy Phúc**